

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2602 /QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài dưới 12m có hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2568/TTr-SNNPTNT ngày 27 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 04 thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành trong lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế (*Danh mục TTHC kèm theo*).

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

1. Đồng bộ dữ liệu TTHC mới công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC; hoàn thành việc cấu hình TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Niêm yết, công khai theo quy định thủ tục hành chính đã được ban hành tại Quyết định này; Thực hiện giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định này đã được UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn/>) theo quy định.

Điều 3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế có trách nhiệm.

Niêm yết công khai TTHC này tại trụ sở cơ quan và trên Trang thông tin điện tử của địa phương; Triển khai thực hiện tiếp nhận và giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, và PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các CQCM thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX và TP Huế;
- TTPVHCC, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Hải Minh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 2602 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Phí, lệ phí (đồng)	Địa điểm và Cách thức thực hiện TTHC	Tên VBQPPL quy định TTHC	Cơ quan thực hiện
1	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	6 ngày làm việc đối với cấp mới	Lệ phí 40.000đồng / lần	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công huyện. + Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trường hợp tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến thì bản chính bộ hồ sơ đầy đủ gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công huyện để chuyển đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, TP Huế.	- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.	- Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, TP Huế - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt/cơ quan chủ quản: UBND cấp huyện
		3 ngày làm việc đối với cấp lại	Lệ phí 20.000đồng / lần			

2	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	3 ngày làm việc	Không	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công huyện. + Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia. Trường hợp tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến thì bản chính bộ hồ sơ đầy đủ gửi qua đường bưu điện đến Trung tâm Hành chính công huyện để chuyển đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, TP Huế.	- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản; -Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.	- Cơ quan thực hiện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, TP Huế - Cơ quan thẩm quyền phê duyệt/cơ quan chủ quản: UBND cấp huyện
3	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá					
4	Xóa đăng ký tàu cá					

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục: Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo hướng dẫn và nộp hồ sơ tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Hành chính công huyện.

- Bước 2: Trung tâm Hành chính công huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ. Trung tâm Hành chính công huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, TP Huế giải quyết.

- Bước 3: Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp huyện xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp huyện thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.

- Bước 4: Trung tâm Hành chính công huyện trả kết quả tổ chức, cá nhân.

Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Hành chính công huyện

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 8h00 đến 11h00, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu và sáng thứ Bảy hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

Cách thức thực hiện: Hồ sơ có thể được nộp theo một trong các hình thức sau:

- Nộp qua dịch vụ Bưu chính công ích đến Trung tâm Hành chính công huyện;
- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công huyện .

Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác thủy sản:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 02.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;

- Bản chụp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với loại tàu cá theo quy định phải đăng kiểm;

- Bản chụp văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá đối với loại tàu cá theo quy định phải có văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá.

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác thủy sản:

- Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;

- Bản chính giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp, trong trường hợp thay đổi thông tin trong giấy phép.

Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 06 ngày làm việc (đối với cấp mới), 03 ngày làm việc (đối với cấp lại) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan thẩm quyền thực hiện cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 04.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; trong trường hợp không cấp, cấp lại cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đề nghị.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản theo Mẫu số 04.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019.

Phí, lệ phí (nếu có): Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần; lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác thủy sản: - Đơn đề nghị theo Mẫu số 02.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP;

Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác thủy sản: - Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản năm 2017 của Quốc hội ngày 21/11/2017 Luật thủy sản;
- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/03/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
- Thông tư 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.
- Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài dưới 12m có hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa.

Mẫu số 02.KT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC THUỶ SẢN

Kính gửi:.....

Họ, tên chủ tàuĐiện thoại:

Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:

Nơi thường trú:

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp Giấy phép khai thác thủy sản với nội dung như sau:

Tên tàu:; Loại tàu.....

Số đăng ký tàu:

Ngư trường hoạt động.....

Cảng cá đăng ký cập tàu:

Nghề khai thác chính:Nghề phụ:

Tôi/chúng tôi xin cam đoan sử dụng tàu để đánh bắt nguồn lợi thủy sản/hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi:.....

Tên chủ tàu:.....Điện thoại:.....

Nơi thường trú:

Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/mã số định danh cá nhân:.....

Tôi đã được cấp Giấy phép khai thác thủy sản số:...../20.../AA-GPKTTS; cấp ngày. tháng năm; hết thời hạn ngày tháng năm

Đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản với lý do (nêu rõ lý do đề nghị cấp lại và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh sự thay đổi thông tin):

.....
.....
.....

Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản để tôi tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản.

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép và chấp hành đúng các quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY PHÉP
KHAI THÁC THUY SẢN

Số:/20.../AA(*)-GPKTTS

Tên tàu (nếu có):

Số đăng ký:

Mặt trước của giấy phép

GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN
Số:...../20../AA(*)-GPKTTS

Căn cứ [Luật Thủy sản](#) năm 2017;
Căn cứ Nghị định số.....ngày....tháng....năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Tên chủ tàu:
Địa chỉ thường trú:
Điện thoại (nếu có):
Số đăng ký tàu cá:
Cảng cá đăng ký cập tàu:
Sản lượng được phép khai thác: tấn/năm (nếu có).
Được phép đánh bắt nguồn lợi thủy sản/hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản(**):
Nghề chính:.....Vùng hoạt động:
Nghề phụ 1:.....Vùng hoạt động:
Nghề phụ 2:.....Vùng hoạt động:
Thời hạn của Giấy phép đến hết ngày.....tháng.....năm

....., ngày tháng năm ...
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Là 2 chữ cái đầu của tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(**) Trường hợp cấp phép cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản thì xóa bỏ nội dung hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản; trường hợp cấp phép cho tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản thì xóa bỏ nội dung đánh bắt nguồn lợi thủy sản.

2.Tên thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo hướng dẫn và nộp hồ sơ tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Hành chính công huyện

- Bước 2: Trung tâm Hành chính công huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ. Trung tâm Hành chính công huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế giải quyết.

- Bước 3: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế tiến hành thẩm định hồ sơ, vào Sổ đăng ký tàu cá và ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 05.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT* và cấp Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 06.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT*.

- Bước 4: Trung tâm Hành chính công huyện trả kết quả tổ chức, cá nhân.

Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Hành chính công huyện.

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 8h00 đến 11h00, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu và sáng thứ Bảy hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định).

Cách thức thực hiện: Hồ sơ có thể được nộp theo một trong các hình thức sau:

- Nộp qua dịch vụ Bưu chính công ích đến Trung tâm Hành chính công huyện;
- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công huyện .

Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

1) Hồ sơ đối với tàu đóng mới gồm:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT*;

b) Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT*;

c) Bản chính Văn bản chấp thuận đóng mới tàu cá của cơ quan có thẩm quyền;

d) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

đ) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

2) Hồ sơ đối với tàu cải hoán gồm:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản chính Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

e) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ;

g) Bản chính Văn bản chấp thuận cải hoán tàu cá của cơ quan có thẩm quyền.

3) Hồ sơ đối với tàu được mua bán, tặng cho gồm:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Bản chính Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;

e) Bản chính Văn bản chấp thuận mua, bán tàu cá của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp tàu cá mua bán trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

g) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

f) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

4) Hồ sơ đối với tàu nhập khẩu gồm:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

đ) Bản sao có chứng thực văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền;

e) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng;

g) Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

f) Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5) Hồ sơ đối với tàu thuộc diện thuê tàu trần gồm:

a) Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

c) Bản chính Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng;

d) Bản chụp có chứng thực Tờ khai Hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

đ) Bản sao có chứng thực Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam;

e) Bản chính Văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp;

f) Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.

Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đề nghị.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 05.ĐKT và Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký tàu cá theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Khoản 3 Điều 71 Luật Thủy sản quy định:

3. Tàu cá được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có giấy tờ chứng minh về sở hữu hợp pháp tàu cá;

b) Có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với tàu cá quy định phải đăng kiểm;

c) Có giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký tàu cá đối với trường hợp thuê tàu trần; giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá đối với trường hợp nhập khẩu, mua bán, tặng cho hoặc chuyển tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

d) Chủ tàu cá có trụ sở hoặc nơi đăng ký thường trú tại Việt Nam.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;

- Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài dưới 12m có hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Mẫu số 02.ĐKT-Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CMND:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Cảng đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, (DW):; Số thuyền viên, người.....

Nghề chính: Nghề phụ:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

Mẫu số 03.ĐKT – Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GCNXX

....., ngày... tháng ... năm 20....

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

Tên sản phẩm:.....

Nơi đóng:.....

Địa chỉ:.....

Năm đóng:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm:

Thông số cơ bản của tàu: L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....

L_{tk} =.....; B_{tk} ...=.....; d =.....

Vật liệu vỏ:.....; cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

Mẫu số 04.ĐKT – Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GCNXX

....., ngày...tháng...năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

Tên sản phẩm:.....

Nơi cải hoán, sửa chữa:.....

Địa chỉ:.....

Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm.....đến ngày ... tháng ...năm.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm phê duyệt thiết kế:

Thông số cơ bản trước cải hoán/sửa chữa (m):

L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....

L_{tk} =.....; B_{tk} ...=.....; d =.....

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Thông số cơ bản sau cải hoán/ sửa chữa (m):

L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....

L_{tk} =.....; B_{tk} ...=.....; d =.....

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc cải hoán/ sửa chữa, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness



N⁰

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/PHÒNG KINH TẾ.....

.....Agriculture and Rural Development Committee
Division/Economy Committee Division

Chứng nhận tàu cá có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:
*Hereby certifies that the fishing vessel with the following specifications has been registered into
The Vietnam National Vessel Registration Book:*

Tên tàu: Hô hiệu:.....
Name of Vessel Signal Letters
Chủ tàu: Nơi thường trú:.....
Vessel owner Residential Address
Kiểu tàu: Công dụng (nghề):.....
Type of Vessel Used for (fishing gear)
Tổng dung tích, GT:..... Trọng tải toàn phần, tấn:.....
Gross Tonnage Dead weight
Chiều dài L_{max}, m:..... Chiều rộng B_{max}, m:.....
Length overall Breadth overall
Chiều dài thiết kế L_{tk}, m:..... Chiều rộng thiết kế B_{tk}, m:.....
Length Breadth
Chiều cao mạn D, m:..... Chiều chìm d, m:.....
Draught Depth
Vật liệu vỏ:..... Tốc độ tự do h/h:
Materials Speed
Năm và nơi đóng:.....
Year and Place of Build
Số lượng máy:..... Tổng công suất (kW):.....
Number of Engines Total power

Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất (kW) <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>
.....
.....

Cảng đăng ký: Cơ sở đăng kiểm tàu cá:
Port Registry Register of Vessels

Số đăng ký:
Number or registry

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: *Cấp tại, ngày ...tháng...năm.....*
không thời hạn *Issued at... Date*

This certificate is valid until

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀI

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)

3.Tên thủ tục : Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo hướng dẫn và nộp hồ sơ tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Hành chính công huyện

- Bước 2: Trung tâm Hành chính công huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ. Trung tâm Hành chính công huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế giải quyết.

- Bước 3: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế tiến hành thẩm định hồ sơ, và ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

- Bước 4: Trung tâm Hành chính công huyện trả kết quả tổ chức, cá nhân.

Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Hành chính công huyện

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 8h00 đến 11h00, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu và sáng thứ Bảy hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

Cách thức thực hiện: Hồ sơ có thể được nộp theo một trong các hình thức sau:

- Nộp qua dịch vụ Bưu chính công ích đến Trung tâm Hành chính công huyện.
- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công huyện.

Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

a) Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký tàu cá cũ; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đề nghị.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu

số 05.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT- BNNPTNT.*

Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 07.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.*

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không có

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản năm 2018;

- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;

- Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài dưới 12m có hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Mẫu số 07.ĐKT – Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi:

Họ tên người khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CMND:.....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu:

Tên tàu:; Số đăng ký:.....

Năm, nơi đóng:.....

Nơi đăng ký:.....

Thông số cơ bản của tàu: Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, tấn:; Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:; Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân	Giá trị cổ phần

3. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đúng sự thật.

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness



N⁰

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/PHÒNG KINH TẾ.....

.....Agriculture and Rural Development Committee
Division/Economy Committee Division

Chứng nhận tàu cá có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:
*Hereby certifies that the fishing vessel with the following specifications has been registered into
The Vietnam National Vessel Registration Book:*

Tên tàu: Hô hiệu:.....
Name of Vessel Signal Letters
Chủ tàu: Nơi thường trú:.....
Vessel owner Residential Address
Kiểu tàu: Công dụng (nghề):.....
Type of Vessel Used for (fishing gear)
Tổng dung tích, GT:..... Trọng tải toàn phần, tấn:.....
Gross Tonnage Dead weight
Chiều dài L_{max}, m:..... Chiều rộng B_{max}, m:.....
Length overall Breadth overall
Chiều dài thiết kế L_{tk}, m:..... Chiều rộng thiết kế B_{tk}, m:.....
Length Breadth
Chiều cao mạn D, m:..... Chiều chìm d, m:.....
Draught Depth
Vật liệu vỏ:..... Tốc độ tự do hl/h:
Materials Speed
Năm và nơi đóng:.....
Year and Place of Build
Số lượng máy:..... Tổng công suất (kW):.....
Number of Engines Total power

Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất (kW) <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>
.....
.....

Cảng đăng ký: Cơ sở đăng kiểm tàu cá:
Port Registry Register of Vessels

Số đăng ký:
Number or registry

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: *Cấp tại*, ngày ...tháng...năm.....
không thời hạn *Issued at... Date*

This certificate is valid until

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀI

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)

Mẫu số 06.ĐKT – Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký: TTH -- TS

Chủ tàu cá:.....

Số số:.....

Năm:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Tên tàu cá:

Số đăng ký:.....

Chiều dài tàu:.....

Nơi đăng ký:.....

Chủ tàu cá:.....

Nơi thường trú:.....

Sổ danh bạ này gồm 60 trang, được đánh số thứ
tự từ 01 đến 60 trang

Thừa Thiên Huế, ngàytháng....năm...

PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT/

PHÒNG KINH TẾ

(Ký tên, đóng dấu)

Năm.....

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

TT	Họ và tên	Số CMND/CCCD; Ngày cấp, nơi cấp	Chức danh	Số văn bằng/chứng chỉ	Ghi chú

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thừa Thiên Huế, ngày tháng năm
**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT/
PHÒNG KINH TẾ**
(Ký tên, đóng dấu)

CHỨNG THỰC CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA, KIỂM SOÁT

Rời cảng	Xuất bến
<p>Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá:.....</p> <p>Ngày.....tháng.....năm.....</p> <p>Nội dung:.....</p> <p>.....</p> <p>Nhận xét:.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p align="center">Tổ chức quản lý cảng cá <i>(Ký, đóng dấu)</i></p>	<p>Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng:.....</p> <p>Ngày.....tháng.....năm.....</p> <p>Gồm:.....người (.....Nam,.....Nữ)</p> <p>Nhận xét:.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p align="center">Trạm Kiểm soát Biên phòng <i>(Ký, đóng dấu)</i></p>
Cập cảng	Nhập bến
<p>Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá:.....</p> <p>Ngày.....tháng.....năm.....</p> <p>Nội dung:.....</p> <p>.....</p> <p>Nhận xét:.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p align="center">Tổ chức quản lý cảng cá <i>(Ký, đóng dấu)</i></p>	<p>Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng:.....</p> <p>Ngày.....tháng.....năm.....</p> <p>Gồm:.....người (.....Nam,.....Nữ)</p> <p>Nhận xét:.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p align="center">Trạm Kiểm soát Biên phòng <i>(Ký, đóng dấu)</i></p>

4. Tên thủ tục: Xóa đăng ký tàu cá

Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo hướng dẫn và nộp hồ sơ tại bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Hành chính công huyện.

- Bước 2: Trung tâm Hành chính công huyện tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ; yêu cầu bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ. Trung tâm Hành chính công huyện chuyển hồ sơ cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế giải quyết.

- Bước 3: Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế tiến hành thẩm định hồ sơ, và ký giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá.

- Bước 4: Trung tâm Hành chính công huyện trả kết quả tổ chức, cá nhân.

Địa chỉ tiếp nhận và trả kết quả: Trung tâm Hành chính công huyện

Thời gian tiếp nhận và trả kết quả: Buổi sáng từ 8h00 đến 11h00, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu và sáng thứ Bảy hàng tuần (trừ các ngày Lễ, ngày nghỉ theo quy định)

Cách thức thực hiện: Hồ sơ có thể được nộp theo một trong các hình thức sau:

- Nộp qua dịch vụ Bưu chính công ích đến Trung tâm Hành chính công huyện.
- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công huyện.

Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

a) Tờ khai xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT*;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do.

Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đề nghị.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện/Phòng Kinh tế các thị xã, thành phố Huế.

Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 11.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT*.

Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10.ĐKT *Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT.*

Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

Khoản 1 Điều 72 Luật Thủy sản quy định:

1. Tàu cá bị xóa đăng ký thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tàu cá bị hủy, phá dỡ hoặc chìm đắm không thể trục vớt;

b) Tàu cá bị mất tích sau 01 năm kể từ ngày thông báo chính thức trên phương tiện thông tin đại chúng;

c) Tàu cá được xuất khẩu, bán, tặng cho, viện trợ;

d) Theo đề nghị của chủ tàu cá.

Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Thủy sản năm 2017;

Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;

- Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài dưới 12m có hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Mẫu số 10.ĐKT- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:(1)

Đề nghị xóa đăng ký tàu cá với các thông số dưới đây kể từ ngày
...../...../20.....

Kindly deregister the with the following particulars from date

.....

Tên(2)..... Hồ hiệu/số IMO:
Name Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu):
Shipowner (name, address and ratio of ownership)

Người đề nghị xóa đăng ký (tên, địa chỉ):
Applicant (name, address)

Nơi đăng ký:
Place of registry

Số đăng ký:; Ngày đăng ký:
Number of registration Date of registration

Cơ quan đăng ký:
The Registrar of ship

Lý do xin xóa đăng ký
Reasons to deregister

Date....., ngày ... tháng ... năm...

XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ

CHỦ SỞ HỮU

Owner

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký *The ship Registration office*

Type of transport facility registration/registry (vessel, public service ship)

(2) Tên phương tiện *Name of transport facility*

Mẫu số 11.ĐKT- Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ
Certificate of deregistration of Fishing Vessel

.....(1) Chứng nhận tàu cá có các thông số dưới đây đã được xóa đăng ký trong
Sổ đăng ký tàu cá quốc gia:

..... *Hereby certify that the ship with the following particulars has been eregistered
from the Viet Nam National ships registration book:*

Tên(2)..... Hồ hiệu/Số IMO:
Name Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu tàu):
Owner (name, address, ratio of ownership)

Số GCN đăng ký:
Number of registration

Ngày đăng ký:
Date of registration

Cơ quan đăng ký:
The Registrar of ship

Người đề nghị (tên, địa chỉ):
Applicant (name, address)

Lý do xóa đăng ký
Reasons to deregister

Ngày có hiệu lực xóa đăng ký:
Date of deregist

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm
Number of registration Issued at , on

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU
Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) **Tên cơ quan đăng ký**
The ship Registration office

(2) **Tên tàu**
Name of transport facility